TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/DS - PT
Ngày 01-02-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các thẩm phán: 1. Ông Hà Huy Hùng

2. Bà Ngô Thị Hà

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:***

Bà Cù Thị Ngọc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Ngày 25 tháng 01 và ngày 01 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2018/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1. 1 Ông Nguyễn Văn T - sinh năm: 1964
Địa chỉ: Số 390 đường L, phường S, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

1.2. Bà Nguyễn Thị L - sinh năm:1960
Địa chỉ: Số 5 đường D, phường S, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

1.3. Anh Lê Văn H (Lê Đức Hậu) - sinh năm: 1971
Địa chỉ: Số 02/16 C, phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

1.4. Anh Lê Thanh H- sinh năm: 1973
Địa chỉ: Số 38 đường T, phường S, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

1.5. Chị Lê Thị N- sinh năm: 1976
Địa chỉ: Số 38 đường T, phường S, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

1.6. Anh Lê Trọng T - sinh năm: 1978,
Địa chỉ: Số 392, đường L, phường S, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

1.7. Chị Lê Thị C- sinh năm: 1956.
Địa chỉ: Số 390 đường L, phường S, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L- sinh năm1960;
Người bảo vệ quyền và ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đỗ Văn H - Luật sư, thuộc Công ty luật N.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khách sạn Đ Thanh Hóa. Nay đổi tên thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị H - Tổng Giám đốc Công ty

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Trọng N - sinh năm 1948 (nguyên Giám đốc Công ty)
Địa chỉ: Số 392 đường L, phường S, thành phố Thanh Hóa.

3.2. Ông Nguyễn Khắc G- sinh năm 1950. (nguyên Kế toán trưởng Công ty)
Địa chỉ: Số 8 đường T, phường S, thành phố Thành Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3.3. Bà Dương Thị L- sinh năm 1963, (nguyên Thủ quỹ Công ty)
Địa chỉ: Số 90 đường Q, phường S, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3.4. Liên đoàn Lao động tỉnh Thanh Hóa.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Tôn T - Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Anh T – Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh;
Ông Nguyễn Xuân T – Phó ban Chính sách và Pháp luật Liên đoàn Lao động tỉnh;
Địa chỉ: Đường L, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, theo văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Tại phiên tòa có mặt bà Nguyễn Thị L, ông H, bà H, ông G, bà Dương Thị L, ông T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện cho nguyên đơn trình bày**:** Từ năm 2003 đến năm 2007, biết ông Lê Trọng N là Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khách sạn Đ, cần vốn cải tạo Khách sạn nên các ông bà gồm; ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H, anh Lê Thanh H, anh Lê Trọng T, bà Nguyễn Thị N và bà Lê Thị C đã cho Cty TNHH Khách sạn Đ vay tiền để cải tạo, nâng cấp khách sạn làm nhiều đợt khác nhau, cụ thể:

Đợt 1: Ông Nguyễn Văn T cho vay 40.000.000đ, lãi suất 1%/ tháng, thời hạn vay 12 tháng kể từ 31/10/2003;

Đợt 2: Cho vay 40.000.000đ, lãi suất 1%/ tháng, thời hạn vay 12 tháng kể từ 20/01/2004;

Đợt 3: Cho vay 50.000.000đ, lãi suất 1%/ tháng, thời hạn vay 12 tháng kể từ 31/12/2005;

Đợt 4: Cho vay 200.000.000đ, lãi suất 1,1 %/ tháng, thời hạn vay 12 tháng kể từ 28/9/2007;

- Bà Nguyễn Thị L: Cho vay 50.000.000đ lãi suất 1,1 %/ tháng, thời hạn vay 12 tháng kể từ 15/9/2007;

- Anh Nguyễn Văn H: Cho vay 30.000.000đ, lãi suất 1 %/ tháng, thời hạn vay 12 tháng kể từ 11/3/2005;
- Anh Lê Thanh H: Cho vay 130.000.000đ, lãi suất 1,1 %/ tháng, thời hạn vay 12 tháng kể từ 13/11/2006;
- Anh Lê Trọng T: Cho vay 30.000.000đ lãi suất 01 %/ tháng, thời hạn vay 12 tháng kể từ 31/3/2006;
- Chị Lê Thị N: Cho vay 100.000.000đ, lãi suất 01 %/ tháng, thời hạn vay 12 tháng kể từ 15/9/2003;
- Bà Lê Thị C: Cho vay 80.000.000đ, lãi suất 01 %/ tháng, thời hạn vay 12 tháng kể từ 07/8/2003.

Do quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Lê Trọng N đã nghỉ hưu và bàn giao số nợ của các cá nhân cho Giám đốc Công đoàn mới, cho đến nay khoản nợ này đã được xét xử nhiều lần nhưng đến nay vẫn chưa thi hành án. Nay các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn. Đề nghị buộc Công ty TNHH Đ, thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi suất theo thỏa thuận vay. Căn cứ vào bản án phúc thẩm số 47/2011/ DSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thì khoản nợ gốc và lãi được chấp nhận là 1.184.708.000đ, trong đó nợ gốc là 750.000.000đ. Tuy nhiên bản án chưa được thi hành nên tiền lãi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận mức lãi suất như bản án phúc thẩm. Do bản án bị hủy nên thời gian tính lãi suất của các hợp đồng thì đề nghị tính lãi tiếp theo từ khi Tòa án giám đốc thẩm tuyên hủy bản án phúc thẩm, sơ thẩm là ngày 15/3/2015 cho đến 30 tháng 9 năm 2018. Các thời điểm phát sinh sau ngày 30/9/2018 không yêu cầu xem xét.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khách sạn Đ. Nay đổi tên thành Công ty trách nhiện hữu hạn S, do bà Lê Thị H, Tổng Giám đốc trình bày. Thời kỳ ông Hồ Quốc H được bổ nhiệm làm Giám đốc thay cho ông Lê Trọng N từ ngày 01/01/2008, khi bàn giao có sự chứng kiến của Liên đoàn Lao động tỉnh Thanh Hóa, ông H tin tưởng kế toán vẫn tiếp tục làm việc nên mới ký vào biên bản bàn giao các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có tài khoản 311 là khoản nợ 1.038.016.000đ. Sau khi ông N nghỉ hưu một thời gian thì có gửi giấy vay tiền và danh sách kèm theo đến Công ty đặt vấn đề đòi nợ. Qua kiểm tra chứng từ kế toán được lưu tại phòng nghiệp vụ thì phát hiện các Hợp đồng vay tiền và các phiếu thu tiền của cá nhân không đảm bảo về thủ tục kế toán như: Không có chữ ký của người cho vay, nhiều hợp đồng không có chữ ký của chủ tài khoản và không đóng dấu, sau đó ông Hồ Quốc H đã báo cáo sự việc với Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh và sự việc được Thanh tra tài chính nội bộ và Kiểm toán Nhà nước kết luận vào năm 2009, trong kết luận của Cơ quan Kiểm toán đã khẳng định, các hợp đồng vay và các chứng từ kế toán là không hợp lệ, vi phạm nguyên tắc kế toán. Đối với sổ sách theo dõi quỹ thu chi của Công ty từ 2003-2004 thì khi kiểm tra phát hiện bị mất nên không thể đối chiếu được các khoản vay với chứng từ. Nay các nguyên đơn yêu cầu Công ty trả nợ thì đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng vay tiền của các cá nhân là vô hiệu theo Điều 129 của BLDS 2005 và việc khởi kiện của các cá nhân không còn thời hiệu khởi kiện. Mặt khác những người cho vay là người nhà vợ con ông N và bạn bè thân thiết, nên thực chất là không có việc vay tiền ,nên ông N và ông G phải chịu trách nhiệm riêng khoản nợ trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Liên đoàn Lao động tỉnh Thanh Hóa không có yêu cầu độc lập đứng về phía bị đơn trình bầy quan điểm: Công ty trách nhiệm hữu hạn Khách sạn Đ trước đây là Công ty Nhà nước, nên Liên đoàn Lao động tỉnh Thanh Hóa là đại diện cho chủ sở hữu. Hoạt động của Công ty khi chuyển đổi mô hình kinh doanh (từ Nhà nghỉ sang Công ty) có con dấu, có tài khoản riêng và được hoạch toán kinh doanh độc lập. Tuy nhiên, khoản nợ tại tài khoản bàn giao khi ông Lê Trọng N nghĩ hưu và Giám đốc ông Hồ Quốc H vào năm 2008 là chưa đảm bảo, qua kiểm tra, thanh tra nhiều lần thì các khoản nợ của các cá nhân, Liên đoàn Lao động tỉnh cho rằng không đủ cơ sở chứng minh Công ty có nợ tiền của các cá nhân, vì các hợp đồng vay, chứng từ kế toán còn lưu lại Công ty khi bàn giaothể hiện không đảm bảo về quy trình chứng từ, vi phạm luật kế toán. Liên đoàn cũng đã trực tiếp kiểm tra đối chiếu khoản nợ với các khoản đầu tư cơ sở vật chất nhưng không tìm ra khoản nợ vay đầu tư, mua sắm như thế nào. Các chứng từ trên cũng được Kiểm toán Nhà nước yêu cầu xuất toán. Như vậy, là không đủ cơ sở để buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khách sạn Đ. (*nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn S)* trả nợ. Với vai trò là cơ quan cấp trên thì thời điểm do ông N làm Giám đốc thì cơ sở vật chất có sự thay đổi, có đầu tư nâng cấp, có mua sắm, hàng năm hoạt động tài chính của Công ty điều được kiểm tra, quyết toán nhưng cũng không thay thế được Kết luận của cơ quan Kiểm toán Nhà nước.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập đứng về phía nguyên đơn trình bầy quan điểm:

Ông Lê Trọng N trình bày: Thời kỳ ông làm Giám đốc Nhà nghỉ Liên đoàn Lao động tỉnh Thanh Hóa từ năm 2003 đến hết năm 2007. Trong giai đoạn này, Nhà nghỉ Công đoàn được chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khách sạn Đ, nên có đủ tư cách Pháp nhân, có con dấu, có tài khoản riêng và hạch toán kinh doanh độc lập, ở thời điểm chuyển đổi mô hình hoạt động doanh nghiệp thì cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà nghỉ xuống cấp nghiêm trọng, nếu tiếp tục duy trì cơ sở vật chất như vậy sẽ không đáp ứng được cơ chế kinh doanh của thị trường. Để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, ông đã trực tiếp xin Thường trực Liên đoàn Lao động tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư và được Thường trực đồng ý cho cải tạo, nâng cấp trang thiết bị nội thất dần theo hàng năm bằng các nguồn vốn như; vay Ngân hàng, vay các cá nhân và vay cả Liên đoàn Lao động tỉnh để đầu tư, nâng cấp trang thiết bị cho Công ty. Việc kinh doanh được triết khấu hao theo quy định và có lãi được Liên đoàn Lao động tỉnh đánh giá cao. Nếu không có sự đầu tư, nâng cấp thì không có cơ sở vật chất như khi bàn giao cho ông Hồ Quốc H. Sau khi được chấp thuận đầu tư, ông N là người trược tiếp đứng ra giao dịch vay mượn tài sản kể cả vay vợ con, bạn bè và Ngân hàng, nguồn tiền vay được ông bàn giao nhập về quỹ cơ quan, được kế toán lên chứng từ hóa đơn và thủ quỹ thu tiền. Do không kiểm tra nên có một số hóa đơn, chứng từ ông đã ký vào người nộp tiền và nhận hợp đồng, phiếu thu về giao cho các hộ, một số hợp đồng, phiếu thu do kế toán sơ xuất không trình ký nên thiếu chữ ký của Giám đốc (ông N), thậm chí là thiếu cả việc đóng dấu. Những thiếu sót đó không phải do cố ý làm sai lệch để nhằm chiếm đoạt công quỹ mà lỗi đó chỉ là thủ tục hành chính, còn tiền huy động

của các cá nhân dù trong đó có người thân vợ, con và bạn bè ông thì đều được sử dụng đúng mục đích. Quá trình làm ăn phải tiếp tục đầu tư, nâng cấp trang thiết bị cho Công ty nên các hợp đồng vay tiền của cá nhân đến hạn chưa trả được nợ, nhưng ông đã khất nợ bằng miệng và thực hiện tính lãi suất theo thỏa thuận, các khoản nợ điều đưa vào tài khoản 311 của Công ty để tính lãi hàng năm bảo đảm quyền lợi cho họ, tất cả số liệu quyết toán thu, chi hàng năm được Ủy ban kiểm tra, Ban tài chính Liên đoàn Lao động tỉnh quyết toán chấp nhận ở tại thời điểm đó và không có ý kiến gì.

Ngày 02/01/2008, ông bàn giao tài sản và công tác quản lý tài chính cho Giám đốc mới là ông Hồ Quốc H, việc bàn giao có sự chứng kiến của Phó Chủ tịch Thường trực và Trưởng ban tài chính Liên đoàn Lao động tỉnh.Tại số tài khoản 311 có số nợ cụ thể gồm: Nợ bà C 124.320.000đ; bà N 117.600.000đ; ông Nguyễn Văn T 386.120.000đ; anh H 40.320.000đ; ông Lê Trọng T 36.930.00đ; anh H 149.401.000đ và bà L 51.925.000đ. Các khoản nợ trên bao gồm cả khoản nợ gốc và đã tính lãi theo thỏa thuận và hàng năm vẫn được Công ty đưa vào tài khoản nợ để theo dõi. Nay ông đề nghị Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khách sạn Đ (*nay là Công ty trách nhiện hữu hạn S*) có trách nhiệm, thiện chí hợp tác trả nợ cho các cá nhân số tiền gốc và lãi.

Ông Nguyễn Khắc G trình bày: Từ năm 2003 đến năm 2009, ông làm Kế toán trưởng cho Nhà nghỉ Liên đoàn Lao động tỉnh Thanh Hóa, thời kỳ do ông N làm Giám đốc thì hàng năm Nhà nghỉ có đầu tư, nâng cấp, sữa chữa và mua sắm tài sản cố định là thực tế, những phần công việc Công ty đã thực hiện nay ông không trình bày thêm. Tại phiên tòa ông thừa nhận, tất cả các khoản vay của các cá nhân như ông N trình bày là đúng thực tế, khi nhận tiền vay ông đều lập hợp đồng, lập phiếu thu, số tiền vay được nhập vào quỹ Cơ quan cho bà Dương Thị L thu, được hạch toán nợ đọng từng năm tại tài khoản 311. Tuy nhiên, ông thừa nhận có việc sai xót, có vi phạm nguyên tắc kế toán khi lập các hợp đồng, các phiếu thu, trong các phiếu thu thiếu chữ ký, không đóng dấu chủ tài khoản là chưa hoàn chỉnh về mặt thủ tục là do năng lực hạn chế, nhưng tiền vay của các cá nhân là có thật, số tiền vay đã đưa vào sử dụng đúng mục đích và không phải là khoản vay cá nhân với cá nhân.Trong quá trình làm việc thì chính ông là người theo dõi sổ sách kế toán, đã nhắc nhở ông Hồ Quốc H về khoản nợ này và không có việc che dấu khoản nợ trong khi bàn giao giữa ông N và ông H. Ở thời điểm ông còn làm Kế toán, ông đã tham mưu cho Chủ tài khoản, vẫn thường xuyên nhắc ông H có kế hoạch trả nợ tồn đọng. Năm 2009 ông được Liên đoàn Lao động tỉnh thông báo nghỉ chế độ, ông đã bàn giao công tác kế toán cho ông Trần Anh H, trong đó có tài khoản 311 là khoản nợ tiền vay của các cá nhân và vay Ngân hàng vẫn chưa được thanh toán. Nay ông đồng quan điểm với ông Lê Trọng N và không có ý kiến gì khác.

Bà Dương Thị L trình bày: Bà tham gia làm công tác Thủ quỹ Nhà nghỉ Công đoàn Sầm Sơn từ năm 2003 đến năm 2010 thì nghỉ hưu, đến nay số tiền cụ thể vay của các cá nhân bà không còn nhớ nhưng thời điểm đó bà là người trực tiếp thu tiền trên cơ sở số tiền vay của các cá nhân, hợp đồng vay tiền của kế toán lập, các khoản vay do ông N tự nộp và đều được nhập vào quỹ Cơ quan. Tuy có một số phiếu thu không có chữ ký của bà là do sơ xuất, hki kiểm tra có việc mất sổ quỹ

nhưng số còn lại vẫn thể hiện rõ số tiền vay của các cá nhân, nay quyết định trả nợ cho các cá nhân hay không là do Tòa án quyết định.

Về diễn biến giải quyết vụ án. Vụ án đã được cấp phúc thẩm xem xét vào ngày 08/8/2011 và giữ nguyên bản án của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm. Buộc Công ty TNHH Khách sạn Đ, phải trả cho các cá nhân số tiền nợ gốc 750.000.000đ và tiền lãi trên các khoản nợ gốc. Quá trình thi hành án, Công ty TNHH Khách sạn Đ do ông Hồ Quốc H làm Giám đốc đã lên kế hoạch trả nợ cho các cá nhân nhưng chưa thi hành án. Nay cơ quan Thi hành án dân sự cũng cung cấp cho biết, đã kết chuyển hai khoản án phí phúc thẩm của bà Lê Thị H 200.000đ và bà Nguyễn Thị L2 00.000đ và trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm có giá ngạch cho các nguyên đơn.

Tại quyết định Giám đốc thẩm số 54/2015/DS-GĐT ngày 16/5/2015 đã tuyên hủy toàn bộ bản án phúc thẩm và sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Cho đến nay các chứng cứ, tài liệu cũng không được bị đơn cung cấp bổ sung. Những vấn đề khắc phục khi xét xử sơ thẩm, Thu thập ý kiến của Ngân hàng Nhà nước về cách tính khoản vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn. Tuy nhiên Ngân hàng Nhà nước đã có văn bản trả lời nhưng không giải thích cụ thể, vì khoản vay dân sự nên Ngân hàng không điều chỉnh các quan hệ vay ngoài hệ thống Ngân hàng. Tòa án Sầm Sơn đã tham khảo ý kiến Ngân hàng Nông nghiệp về quan điểm tính hợp đồng theo hướng của Bản án Giám đốc thẩm, tại Cv số 633/NHNN –SS ngày 27/12/2017.

Tại Bản án số 03/2018/DS-ST ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 74, khoản 2 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Điều 235 điểm a, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 162, Điều 471, khoản 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476, Điều 478 của Bộ luật dân sự 2005, Điều 92, khoản 1, khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468, điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điêu 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Chấp nhận đơn khởi kiện của đồng Nguyên đơn.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khách sạn Đ. Nay đổi tên thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn S, mà người đại diện theo pháp luật của Công ty phải có trách nhiệm thanh toán cho các cá nhân khoản nợ gốc tổng cộng là 750.000.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi, cụ thể:

1. Ông Nguyễn Văn T được nhận tổng số tiền gốc và lãi = 672.194.431đ (sáu trăm bảy hai triệu một trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm ba mươi mốt đồng) Trong đó nợ lãi 342.194.431đ, nợ gốc 330.000.000đ

2. Bà Nguyễn Thị L được nhận tổng số tiền gốc và lãi = 96.481.944đ (chín mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó nợ gốc 50.000.000đ, nợ lãi 46.481.944đ.

3. Anh Nguyễn Văn H được nhận tổng số tiền gốc và lãi = 64.550.000đ (sáu mươi tư triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).Trong đó nợ gốc 30.000.000đ, nợ lãi 34.550.000đ.

4. Anh Lê Thanh Hđược nhận tổng số tiền gốc và lãi = 265.143.056đ (hai trăm sáu mươi lăm triệu một trăm bốn mươi ba nghìn không trăm năm mươi sáu đồng) Trong đó 130.000.000đ nợ gốc, nợ lãi 135.143.056đ.

5. Anh Lê Trọng T được nhận tổng số tiền gốc và lãi = 60.800.000đ (sáu mươi triệu tám trăm nghìn đồng). Trong đó 30.000.000đ nợ gốc, tiền lãi 30.800.000đ.

6. Chị Lê Thị N được nhận tổng số tiền gốc và lãi = 197.166.667đ (một trăm chín mươi bảy triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) Trong đó 100.000.000đ nợ gốc, tiền lãi 97.166.667đ.

7. Bà Lê Thị C được nhận tổng số tiền gốc và lãi =186.933.333đ (một trăm tám mươi sáu triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Trong đó 80.000.000đ nợ gốc, tiền lãi 106.933.333đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*Ngày 19/10/2018, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là Lê Thị H kháng cáo, với nội dung: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, bác đơn khởi kiện của các nguyên đơn, đình chỉ giải quyết vụ án.

*Ngày 08/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa kháng nghị đối với bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa hủy bản án DSST do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm Viện kiểm sát không rút kháng nghị; người đại diện theo pháp luật của bị đơn không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 308 BLTTDS hủy bản án dân sự sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét các nội dung kháng cáo, kháng nghị:

[1.1]. Đối với các phiếu thu và hợp đồng vay tiền: Các hợp đồng vay và phiếu thu do Công ty xuất trình thì hợp đồng chỉ có giấy viết tay của Kế toán trưởng, không có chữ ký, địa chỉ của người cho vay tiền, bên vay là Nhà nghỉ Sầm Sơn, không đóng dấu của Nhà nghỉ. Trong 10 phiếu thu tiền đứng tên người nộp là

người có tên trong hợp đồng vay song chỉ có mỗi chữ ký của kế toán còn lại không có chữ ký ở mục người nộp, thủ quỹ.Tại phiếu thu số 02 ngày 20/01/2004 ông Nguyễn Văn T cho nhà nghỉ Sầm Sơn vay 40.000.000đ, nhưng hợp đồng vay tiền lại ghi ngày 20/01/2005. Mặt khác, tại Kết luận kiểm tra của Liên đoàn Lao động tỉnh Thanh Hóa, Kiểm toán nhà nước và Đoàn kiểm tra của Tổng Liên đoàn Lao động Việt nam đều khẳng định: Hồ sơ chứng từ vay không đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp, không đảm bảo tính nguyên tắc theo yêu cầu của chế độ kiểm toán.

Trong 08 phiếu thu do nguyên đơn cung cấp gồm phiếu thu của bà Lê Thị C, anh Lê Trọng T, anh Lê Thanh H, anh Lê Văn H, ông Nguyễn Văn T (BL 33,24,21,17,10,8,6,4) thể hiện người nộp là chữ ký của ông Lê Trọng N. Do vậy, không đủ cơ sở để chấp nhận đơn khởi kiện của những nguyên đơn trên.

Hai phiếu thu do nguyên đơn cung cấp mang tên chị Lê Thị N và bà Nguyễn Thị L có chữ ký của người cho vay là chị N và bà L, mặc dù không ghi rõ họ tên nhưng có cơ sở chấp nhận đã cho công ty vay. Đối với khoản vay của bà L do Hợp đồng không có thỏa thuận lãi quá hạn, áp dụng lãi suất cơ bản của Ngân hàng 9%/năm = 0,75%/tháng, tính từ ngày 16/9/2008 đến ngày xét xử sơ thẩm lần 2 là 120 tháng 7 ngày; Công ty phải trả cho bà Lê là tiền gốc 50.000.000đ + lãi trong hạn 660.000đ + lãi quá hạn 45.087.500đ = 95.747.500đ. Đối với khoản tiền vay của chị N thời hạn vay 01 năm, ngày 15/9/2003 lãi suất 1%/tháng. Thời hiệu khởi kiện tính từ ngày 16/9/2004 đến ngày 16/9/2006. Chị N chỉ có quyền yêu cầu trả tiền gốc, hết quyền yêu cầu lãi do quá thời hiệu khởi kiện 3 năm 4 tháng 7 ngày nên buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sphải trả cho chị N số tiền gốc là 100.000.000đ. nên chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê và một phần khởi kiện của chị N; căn cứ Diều 427 BLDS năm 2005.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông Gia khẳng định ông không nhận tiền mà chỉ là người trực tiếp viết hợp đồng vay tiền. Chữ ký tại phần người nộp tại các phiếu thu mang tên ông T, bà C, anh Lê Văn H, anh Lê Thanh H, anh T đều là chữ ký của ông N. Ông N là người trực tiếp nhận tiền từ các nguyên đơn này nên dành quyền cho ông Nguyễn Văn T, anh Lê Văn H, anh Lê Thanh H, anh Lê Trọng T, bà Lê Thị C khởi kiện dân sự bằng vụ án khác khi có căn cứ và còn thời hiệu khởi kiện.

[2]. Đối với việc không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Việc đưa ông Hồ Quốc H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết. Bởi vì, quá trình giải quyết vụ án ông H khi còn làm giám đốc Công ty đã là người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Những nội dung cần làm rõ ông H đã trình bày. Mặt khác, ông H không có liên quan về quyền và nghĩa vụ của vụ án nên không chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát.

[3]. Bản án sơ thẩm tuyên trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo mức lãi suất không vượt quá 20%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án là không đúng quy định tại Điều 357 BLDS năm 2015. Do vậy, cần sửa lại theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[4]. Về án phí:Vì kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm; căn cứ khoản 2 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các nguyên đơn không được chấp nhận đơn khởi kiện là ông Nguyễn Văn T, anh Lê Văn H, anh Lê Thanh H, anh Lê Trọng T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch, bà Lê Thị C không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch vì bà C là người cao tuổi; Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự; chị Lê Thị N phải chịu phần án phí về lãi suất không được chấp nhận. Công ty Trách nhiệm hữu hạn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần được chấp nhận của nguyên đơn; căn cứ khoản 2, 3, 4 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 của BLTTDS.

* Căn cứ vào Điều 427; Điều 471, khoản 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476, Điều 478 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 2, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, 3, 4 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn S và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, sửa Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, anh Lê Văn H, anh Lê Thanh H, anh Lê Trọng T, bà Lê Thị C.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S phải trả cho bà L tổng số tiền gốc và lãi là 96.481.944đ (chín mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng). Trong đó nợ gốc 50.000.000đ, nợ lãi 46.481.944đ.

3. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện kiện của chị Lê Thị N. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S phải trả cho chị N số tiền gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền trên, nếu bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

* Dành quyền cho ông Nguyễn Văn T, anh Lê Văn H, anh Lê Thanh H, anh Lê Trọng T, bà Lê Thị C khởi kiện dân sự bằng vụ án khác khi có căn cứ và còn thời hiệu khởi kiện.

4. Án phí:

- Án phí dân sự có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 23.360.000đồng, Anh Lê Văn H phải chịu 2.500.000đồng; Anh Lê Thanh H phải chịu 9.350.000đồng; Anh Lê Trọng T phải chịu 2.300.000đồng. Chị Lê Thị N phải chịu 2.370.000đồng. Miễn tiền án phí cho bà Lê Thị C.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn S phải chịu 9.800.000đ án phí dân sự có giá ngạch.

- Án phí DSPT: Công ty Trách nhiệm hữu hạn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Công ty được nhận lại 300.000đ theo biên lai thu số 4135 ngày 24/10/2018 của Chi cục THADS thành phố Sầm Sơn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND thành phố Sầm Sơn;
- Chi cục THADS thành phố Sầm Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Thủy